TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2023/TLST-DS ngày 09/11/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-DS ngày 08/3/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 30/2024/QĐST-DS ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S do ông P - Chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 ND, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hội sở: Số 928 LLQ, phường 8, Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Số 53 đường TDT, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

Bà Phạm Thị Ngọc T1 – sinh năm 1984 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Số 320/26/1 NH, phường X, thành phố T, tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền số 147/2023/UQ-SVN ngày 01/8/2023.

Bị đơn: Ông Lê Tuấn K - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23/3, N khu phố TH, huyện B1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH S ủy quyền cho bà Phạm Thị Ngọc T1 trình bày: Ngày 13/12/2022, ông Lê Tuấn K đến Chi nhánh của Công ty TNHH S tại Phan Thiết ký Hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM221201014NA18X cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ để lấy 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng); lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 12 tháng từ 13/12/2022 đến ngày 12/12/2023, mỗi tháng trả 1.623.636.19đ vào ngày 13 hàng tháng. Ngày 13/12/2022 ông Lê Tuấn K mượn xe mô tô trên hẹn đến ngày 13/01/2023 trả xe nhưng không trả. Trong quá trình trả nợ thì ông Lê Tuấn K trả được 1.976.000đ, trong đó tiền gốc 1.342.400đ, tiền lãi và phí 281.600đ, phí bảo dưỡng và hao mòn 352.000đ. Số tiền gốc còn lại 16.257.600đ Công ty TNHH S có đòi nợ nhiều lần nhưng ông K không trả. Nay Công ty TNHH S yêu cầu ông Lê Tuấn K trả tiền gốc là 16.257.000đ, lãi trong hạn 2.777.779đ, phí (QLHSCĐ) 1.262.627đ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 5.808.000đ, lãi quá hạn 1.296.496đ, tổng cộng 27.401.902đ và lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 20/10/2023 đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Lê Tuấn K không thanh toán số tiền trên thì ông K phải giao trả 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ cho Công ty TNHH S để thanh toán nợ.

Bị đơn ông Lê Tuấn K vắng mặt không trình bày gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S, buộc ông Lê Tuấn K phải trả cho Công ty TNHH S tiền gốc là tiền gốc là 16.257.000đ, lãi trong hạn 2.777.779đ, phí (QLHSCĐ) 1.262.627đ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 5.808.000đ, lãi quá hạn 1.296.496đ, tổng cộng 27.401.902đ và lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 20/10/2023 đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông Lê Tuấn K không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ. Ông Lê Tuấn K có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ cho Công ty TNHH S để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa

giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của ông Lê Tuấn K không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, ông Lê Tuấn K đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Tuấn K.

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-DS ngày 08/3/2024 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*" qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty TNHH S có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên Công ty TNHH S cho ông Lê Tuấn K vay tiền có cầm cố tài sản xảy ra tranh chấp nên đây là "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ Hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM221201014NA18X ngày 13/12/2022 thì ông Lê Tuấn K ký hợp đồng với Công ty TNHH S để cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ để lấy 17.600.000đ; lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 12 tháng từ 13/12/2022 đến ngày 12/12/2023, mỗi tháng trả 1.623.636.19đ vào ngày 13 hàng tháng. Vì vậy có đủ cơ sở xác định hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, đến hạn trả nợ ông Lê Tuấn K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình mà chỉ trả tiền gốc 1.342.400đ, tiền lãi và phí 281.600đ, phí bảo dưỡng và hao mòn 352.000đ. Do đó, nguyên đơn Công ty TNHH S yêu cầu ông Lê Tuấn K trả tiền gốc còn lại là 16.257.000đ, lãi trong hạn 2.777.779đ, phí (QLHSCĐ) 1.262.627đ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 5.808.000đ, lãi quá hạn 1.296.496đ, tổng cộng 27.401.902đ và lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 20/10/2023 đến khi thanh toán xong nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Công ty TNHH S yêu cầu ông Lê Tuấn K giao 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE

125cc, màu đen đỏ để thanh toán nợ Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Mục 5 Xử lý tài sản cầm cố của Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 13/12/2022 quy định: "*Trường hợp khách hành không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ gốc hoặc lãi, phí đúng hạn, hoặc khách hành vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng này hoặc các thỏa thuận, đề nghị khác của SVN và khách hành, SVN được quyền tiến hành xử lý tài sản cầm cố theo quy định của pháp luật và hợp đồng này mà không cần có sự đồng ý hoặc văn bản ủy quyền của khách hàng, thông qua các hình thức bán đấu giá tài sản,; SVN tự bán tài sản; SVN nhận chính tài sản này để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh hoặc phương thức khác. Nếu tiền thu được do xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ gốc và lãi cầm cố, lãi quá hạn, lãi trên số tiền chậm trả, phí, bồi thường thiệt hại, (nếu có) ... của khách hàng tại SVN thì khách hàng hoặc bên bảo lãnh (nếu có) tiếp tục nhận nợ phần còn thiếu và bằng mọi biện pháp đưa tài sản khác vào đảm bảo cho nghĩa vụ chưa được thanh toán đối với số nợ đó. Trong thời gian xử lý tài sản cầm cố, khách hàng phải trả lãi phát sinh trên tiền cầm cố theo hợp đồng. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố do khách hàng chịu*". Theo quy định tại Khoản 2 Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015 thì "*Bên nhận cầm cố có quyền xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật*". Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản cầm cố trong trường hợp không thực hiện được theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 604.000đ (sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019962 ngày 09/11/2023.

Do Lê Tuấn K buộc phải trả tiền nợ là 27.401.902đ cho Công ty TNHH S vì vậy ông Nguyễn Văn Mười phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 1.370.000đ (27.401.902đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều

238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 309, Điều 310, Điều 312, khoản 2 Điều 314 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S, buộc ông Lê Tuấn K phải trả cho Công ty TNHH S tiền **27.401.902đ** (hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một ngàn chín trăm lẻ hai đồng).

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Trường hợp ông Lê Tuấn K không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ. Ông Lê Tuấn K có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-577.16; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029676 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/01/2018; loại xe Honda AIRBLADE 125cc, màu đen đỏ cho Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ cho Công ty TNHH S.

3.Về án phí, lệ phí: Căn cứ: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 604.000đ (sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019962 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ông Lê Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.370.000đ** (một triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH S và ông Lê Tuấn K vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ung Thanh Quang